

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 26



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà (gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 theo Quyết định số 1302/QĐ-BXD ngày 18 tháng 10 năm 2002 và Quyết định số 1653/QĐ-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 - Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0101334087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05 tháng 7 năm 2010.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: SONG DA INFRASTRUCTURE CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: SICO.,JSC.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: SDH

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng trệt - Tòa nhà SICO, thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Văn Bảy	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên
	Ông Lưu Tuấn Hùng	Thành viên
	Ông Trần Đại Tùng	Thành viên
	Ông Đặng Văn Thăng	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Vũ Văn Bảy	Tổng Giám đốc
	Ông Lưu Tuấn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Lộc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Vũ Văn Bảy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2012

Trụ sở chính TP. Hà Nội:

Số 17, Lô 2C, Khu Đô thị Trung Yên,
Phố Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

T +84 (4) 3 783 2121

F +84 (4) 3 783 2122

E info@cpvietnam.vn

W www.cpvietnam.vn

Số: 293 /2012/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 31 tháng 03 năm 2012 của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà (gọi tắt là "Công ty") từ trang 04 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)**Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2012

Phan Thanh Nam
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1009/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		319.818.475.705	290.544.832.022
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	703.120.834	1.081.712.655
1. Tiền	111		703.120.834	1.081.712.655
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		882.180.397	15.899.569.934
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	882.180.397	15.899.569.934
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		191.571.854.247	191.817.718.096
1. Phải thu khách hàng	131		57.434.587.071	77.174.329.109
2. Trả trước cho người bán	132		28.758.676.642	27.861.532.950
5 Các khoản phải thu khác	135	5.3	107.147.778.565	88.459.795.639
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.769.188.031)	(1.677.939.602)
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	95.015.879.167	57.840.746.461
1. Hàng tồn kho	141		95.015.879.167	57.840.746.461
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		31.645.441.060	23.905.084.876
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		953.014.535	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.663.829.121	5.367.946.424
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	517.038.481
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	24.028.597.404	18.020.099.971
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		156.561.991.346	160.233.697.827
II Tài sản cố định	220		80.812.262.855	81.101.629.436
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	58.479.212.287	65.473.533.886
- Nguyên giá	222		79.535.323.575	76.503.837.242
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.056.111.288)	(11.030.303.356)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	3.132.222.122
- Nguyên giá	225		-	9.447.915.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(6.315.693.696)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	22.333.050.568	12.495.873.428
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	70.749.625.000	72.610.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		66.460.000.000	66.460.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		400.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		3.889.625.000	6.150.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.000.103.491	6.522.068.391
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	5.000.103.491	6.522.068.391
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		476.380.467.051	450.778.529.849

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01 - DN

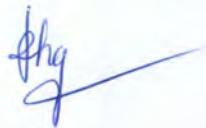
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		256.985.452.529	192.529.191.607
I- Nợ ngắn hạn	310		233.032.119.424	152.561.932.398
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	110.572.556.856	69.814.380.873
2. Phải trả người bán	312		34.870.320.588	34.499.323.071
3. Người mua trả tiền trước	313		7.274.073.674	5.575.032.568
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	22.054.706.025	19.658.114.343
5. Phải trả người lao động	315		1.213.540.485	1.309.600.730
6. Chi phí phải trả	316	5.12	3.207.234.727	5.027.896.351
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	48.878.383.989	15.847.670.620
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		4.961.303.080	829.913.842
II- Nợ dài hạn	330		23.953.333.105	39.967.259.209
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.451.023.906	1.301.023.906
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	16.201.770.159	31.447.712.173
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		94.080.404	94.080.404
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		6.206.458.636	7.124.442.726
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		219.395.014.522	258.249.338.242
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	219.395.014.522	258.249.338.242
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		209.500.000.000	209.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		650.501.870	11.957.753.767
4. Cổ phiếu quỹ	414		(7.525.875.398)	(10.351.583.945)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.266.639.192	8.388.595.860
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.577.807.990	2.779.030.907
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		925.940.868	35.975.541.653
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		476.380.467.051	450.778.529.849

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2012
 Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lan Hương



Chu Thị Ánh




Vũ Văn Bầy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	122.421.081.312	158.012.060.476
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.17	119.883.035	1.190.162.699
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.18	122.301.198.277	156.821.897.777
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	87.716.304.030	115.280.976.108
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		34.584.894.247	41.540.921.669
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	3.917.184.873	34.433.120.308
7. Chi phí tài chính	22		22.907.875.338	13.944.994.705
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.859.330.080	13.944.994.705
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.903.081.752	21.656.938.265
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		1.691.122.030	40.372.109.007
11. Thu nhập khác	31		2.294.958.905	7.482.445.545
12. Chi phí khác	32		3.055.827.459	1.555.203.415
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(760.868.554)	5.927.242.130
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		930.253.476	46.299.351.137
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.21	4.312.608	10.323.809.484
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		925.940.868	35.975.541.653

Người lập biểu



Nguyễn Thị Lan Hương

Kế toán trưởng



Chu Thị Ánh

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2012
 Tổng Giám đốc





Vũ Văn Bảy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2011	Năm 2010
		VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	930.253.476	46.299.351.137
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	9.632.375.033	4.658.152.008
- Các khoản dự phòng	03	91.248.429	761.650.784
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.370.950.951)	(37.885.979.927)
- Chi phí lãi vay	06	22.907.875.338	10.648.779.884
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi VLD	08	31.190.801.325	24.481.953.886
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	10.014.146.848	(27.629.946.141)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(37.175.132.706)	(25.615.142.007)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.077.559.187	(27.420.276.783)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	568.950.365	(5.572.575.258)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(20.823.449.418)	(10.855.002.716)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(5.192.343.232)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(120.832.000)	(186.059.088)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	20	(12.267.956.399)	(77.989.391.339)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(12.152.464.192)	(52.219.894.625)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	1.263.221.818	14.923.593.332
3. Tiền chi cho vay	23	(10.370.000.000)	(92.732.180.397)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	15.600.033.885	76.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(500.000.000)	(46.369.416.055)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.450.000.000	3.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.012.232.983	2.751.827.163
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.303.024.494	(94.146.070.582)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	157.550.000.000
2. Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(15.925.733.885)	(10.351.583.945)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	180.460.089.517	174.743.527.401
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(153.187.134.724)	(147.239.672.886)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.760.720.824)	(6.748.453.092)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(160.000)	(8.277.273.322)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.586.340.084	159.676.544.156
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(378.591.821)	(12.458.917.765)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.081.712.655	13.540.630.420
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	703.120.834	1.081.712.655

Người lập biểu



Nguyễn Thị Lan Hương

Kế toán trưởng



Chu Thị Ánh

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2012


 Tổng Giám đốc

 Vũ Văn Bãy

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 theo Quyết định số 1302/QĐ-BXD ngày 18 tháng 10 năm 2002 và Quyết định số 1653/QĐ-BXD ngày 09 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Trạm Bê tông thương phẩm thuộc Công ty Sông Đà 9 - Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty Cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0101334087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 05 tháng 7 năm 2010.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: SONG DA INFRASTRUCTURE CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: SICO.,JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 là 209.500.000.000 đồng.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: SDH

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng trệt - Tòa nhà SICO, thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, bê tông thương phẩm;
- Sản xuất, lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, bưu điện, các công trình thủy lợi, giao thông, đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng, đô thị và các khu công nghiệp, các công trình đường dây trạm biến thế 110KV, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình cấp thoát nước, lắp đặt các đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh, trang trí nội thất, gia công lắp đặt khung nhôm kính các loại;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên, nhiên vật liệu, vật tư thiết bị, phụ tùng máy xây dựng;
- Sản xuất kinh doanh que hàn;
- Kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh điện;
- Tư vấn giám sát xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Trang trí ngoại thất công trình;
- Cho thuê văn phòng, nhà ở, kho bãi, nhà xưởng, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống giải khát, dịch vụ vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
- Sản xuất, mua bán xi măng;
- Kinh doanh, khai thác, chế biến các loại khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Đại lý kinh doanh xăng dầu, mỡ nhờn, khí đốt;
- Nhận ủy thác đầu tư cho các tổ chức trong và ngoài nước.
- Đào tạo, dạy nghề công nhân kỹ thuật chuyên ngành xây dựng và công nghiệp thông tin (Chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng;
- Thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng công viên;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Quản lý, điều hành công viên, khu vui chơi, giải trí công cộng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu sản bao bì và in ấn bao bì;
- Sản xuất, kinh doanh thiết bị trong lĩnh vực trường học, giáo dục, y tế, thiết bị nghiên cứu khoa học và thí nghiệm;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cơ khí phục vụ trong ngành xây dựng, giáo dục và y tế.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2011 là: xây lắp hạ tầng, sản xuất bê tông thương phẩm, cho thuê máy móc thiết bị....

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi bổ sung có liên quan.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong Báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Công cụ tài chính bao gồm Tài sản tài chính và Công nợ tài chính.

Tài sản tài chính: Tiền và các khoản tương đương tiền; Đầu tư ngắn hạn và dài hạn, Phải thu khác hàng và các khoản phải thu khác

Công nợ tài chính: Các khoản vay, nợ ngắn hạn dài hạn; Phải trả người bán và phải trả khác ngắn hạn và dài hạn; Chi phí phải trả

Tài sản tài chính và Công nợ tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính hoặc hình thành nên công nợ tài chính. Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại Công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 28
Máy móc, thiết bị	04 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm chi phí dàn giáo cốppha và giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ. Trong đó, chi phí công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng; chi phí dàn giáo cốppha được phân bổ trong thời gian 36 tháng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoặc sau khi có quyết định thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là xây lắp và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do không có sự khác biệt đáng kể về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cũng như bộ phận theo khu vực địa lý, do đó, Ban giám đốc Công ty cho rằng không cần thiết phải lập Báo cáo bộ phận.

537
CÔNG TY
DANH
CÔNG
NÀ
TP

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	640.147.730	205.481.932
Tiền gửi ngân hàng	62.973.104	876.230.723
Tổng	703.120.834	1.081.712.655

5.2 Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán	-	17.389.537
Tiền gửi có kỳ hạn	882.180.397	15.882.180.397
Tổng	882.180.397	15.899.569.934

5.3 Các khoản phải thu khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sico Yên Sơn	4.548.044.819	8.156.291.691
Công ty CP PTKT hỗ trợ tài năng trẻ Việt Nam	-	3.500.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH XD&CN Delta	173.683.826	3.195.134.851
Ban điều hành Dự án Xi măng Hạ Long	1.706.576.235	1.706.576.235
Công ty Cổ phần Đầu tư Sico	2.467.711.936	3.859.103.968
HTX DVNN KD tổng hợp Hợp Nhất	1.200.000.000	1.200.000.000
Chênh lệch giá Xi măng Sotraco	875.747.628	875.747.628
Tiền giảm trừ doanh thu nhà HH Mỹ Đình	439.505.981	439.505.981
Đỗ Văn Tám	266.764.227	266.764.227
Chênh lệch thép giá VIS	177.423.592	177.423.592
Công ty Liên doanh Sico Delta Đồng Bằng	139.401.500	139.401.500
Ban quản lý Dự án Yên Phong II	9.374.839.565	10.251.014.419
Công ty Cổ phần Sông Đà 27 (Liên doanh)	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty TNHH SICO Đồng Bằng	7.522.842.606	167.255.068
Đội 6.3 - Xí nghiệp 6	2.500.000.000	-
Công ty TNHH TM DV Toàn Thành Phát	34.200.000.000	34.200.000.000
Tiền bán Cổ phần phải thu tại Công ty CP Sico Yên Sơn	14.452.000.000	15.792.000.000
Cá nhân vay vốn	22.378.988.539	-
Các khoản phải thu khác	3.224.248.111	3.033.576.479
Tổng	107.147.778.565	88.459.795.639

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.447.379.800	2.462.659.212
Công cụ, dụng cụ	55.279.263	53.231.072
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	92.492.712.142	54.979.465.004
Thành phẩm	20.507.962	110.467.072
Hàng gửi đi bán	-	234.924.101
Tổng	95.015.879.167	57.840.746.461

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	24.028.597.404	18.020.099.971
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	-
Tổng	24.028.597.404	18.020.099.971

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2011	3.547.182.625	65.987.042.883	4.274.121.221	746.379.982	1.949.110.531	76.503.837.242
Tăng trong năm	-	10.402.761.309	-	75.515.454	121.200.000	10.599.476.763
Mua trong năm	-	235.000.000	-	75.515.454	121.200.000	431.715.454
Chuyển từ TS thuê tài chính	-	10.167.761.309	-	-	-	10.167.761.309
Giảm trong năm	-	6.908.825.391	569.165.039	-	90.000.000	7.567.990.430
Thanh lý, nhượng bán	-	6.908.825.391	569.165.039	-	90.000.000	7.567.990.430
Số dư tại 31/12/2011	<u>3.547.182.625</u>	<u>69.480.978.801</u>	<u>3.704.956.182</u>	<u>821.895.436</u>	<u>1.980.310.531</u>	<u>79.535.323.575</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2011	495.224.817	7.037.828.696	2.362.522.153	459.761.412	674.966.278	11.030.303.356
Tăng trong năm	145.137.306	12.601.346.347	1.488.809.195	165.522.814	383.526.960	14.784.342.622
Khấu hao trong năm	145.137.306	5.695.429.970	1.488.809.195	165.522.814	383.526.960	7.878.426.245
Chuyển từ TS thuê tài chính	-	6.905.916.377	-	-	-	6.905.916.377
Giảm trong năm	-	4.118.069.651	569.165.039	-	71.300.000	4.758.534.690
Thanh lý, nhượng bán	-	4.118.069.651	569.165.039	-	71.300.000	4.758.534.690
Số dư tại 31/12/2011	<u>640.362.123</u>	<u>15.521.105.392</u>	<u>3.282.166.309</u>	<u>625.284.226</u>	<u>987.193.238</u>	<u>21.056.111.288</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2011	<u>3.051.957.808</u>	<u>58.949.214.187</u>	<u>1.911.599.068</u>	<u>286.618.570</u>	<u>1.274.144.253</u>	<u>65.473.533.886</u>
Tại 31/12/2011	<u>2.906.820.502</u>	<u>53.959.873.409</u>	<u>422.789.873</u>	<u>196.611.210</u>	<u>993.117.293</u>	<u>58.479.212.287</u>

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 53.346.615.841 đồng
 Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.770.921.346 đồng .

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2011 VND
Tại ngày đầu năm	12.495.873.428
Tăng trong năm	10.034.868.546
Kết chuyển tài sản cố định	197.691.406
Kết chuyển vào chi phí	-
Tại ngày cuối năm	22.333.050.568

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án KCN Quốc Tuấn - Hải Dương	682.480.908	535.218.181
Dự án tổ hợp KSVP nhà ở tại Mỹ Đình	26.574.545	26.574.545
Dự án KCN Yên Phong II - Bắc Ninh	18.242.113.970	11.274.226.193
Nhà sản xuất thuốc hàn	76.727.600	76.727.600
Dự án 3.2 ha Phú Diễn	27.320.909	27.320.909
Sửa chữa lớn TSCĐ	555.806.000	555.806.000
Dự án KCN Kim Bảng - Hà Nam	424.077.546	-
Mua sắm tài sản cố định	2.297.949.090	-
Tổng	22.333.050.568	12.495.873.428

5.8 Đầu tư vào công ty con

	Tại ngày 31/12/2011		Tại ngày 01/01/2011	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Đầu tư vào Công ty con		66.460.000.000		66.460.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư SICO	1.530.000	15.300.000.000	1.530.000	15.300.000.000
Công ty Cổ phần SICO Yên Hòa	420.000	4.200.000.000	420.000	4.200.000.000
Công ty TNHH SICO Đồng Bằng	-	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Đồng Nai	658.110	38.960.000.000	658.110	38.960.000.000
Đầu tư vào Công ty Liên doanh		400.000.000		-
BQL Dự án Yên Hòa	-	400.000.000	-	-
Đầu tư dài hạn khác		3.889.625.000		6.150.000.000
Công ty Cổ phần ĐT SICO Thảo Điền	224.963	2.249.625.000	150.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần TM Nam Sài Gòn	1.500	1.540.000.000	4.500	4.650.000.000
BQL DA số 5 Lạc Long Quân	-	100.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2011	
	VND	
Tại ngày đầu năm		6.522.068.391
Tăng trong năm		4.183.029.314
Phân bổ vào chi phí		5.704.994.214
Tại ngày cuối năm		5.000.103.491
	31/12/2011	01/01/2011
Chi tiết chi phí trả trước dài hạn	VND	VND
Dàn giáo, cốppha, dụng cụ thi công	5.000.103.491	6.522.068.391
Tổng	5.000.103.491	6.522.068.391

5.10 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay các tổ chức tín dụng	61.483.286.856	35.923.660.049
Vay tổ chức, cá nhân khác	49.089.270.000	32.130.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	1.760.720.824
Tổng	110.572.556.856	69.814.380.873

Chi tiết số dư như sau:

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	27.930.888.616	19.702.273.009
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Thanh Xuân	33.552.398.240	16.221.387.040
Công ty Cổ phần Sông Đà Đồng Nai	19.550.000.000	15.800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư SICO	13.900.000.000	13.500.000.000
Vay cá nhân	15.639.270.000	2.830.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	1.760.720.824
Tổng	110.572.556.856	69.814.380.873

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.094.797.363	6.090.116.774
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.185.484.722	13.181.172.114
Thuế thu nhập cá nhân	703.676.388	386.779.091
Thuế tài nguyên	59.109.662	-
Các loại thuế khác	46.364	46.364
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	11.591.526	-
Tổng	22.054.706.025	19.658.114.343

5.12 Chi phí phải trả

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Trích trước chi phí các công trình	3.207.234.727	5.027.896.351
Tổng	3.207.234.727	5.027.896.351

5.13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	274.441.061	25.097.660
Bảo hiểm xã hội	1.004.939.007	431.832.627
Bảo hiểm y tế	231.309.682	113.648.204
Các khoản phải trả, phải nộp khác	47.252.583.845	15.214.959.241
<i>Cổ tức phải trả</i>	26.893.604.298	240.694.298
<i>Công ty Cổ phần Sico Yên Hoà</i>	5.400.000.000	5.400.000.000
<i>CN Công ty CP tập đoàn Nam Cường</i>	3.994.640.758	3.994.640.758
<i>Cán bộ công nhân viên mua vật tư</i>	-	647.471.353
<i>Tiền vật tư theo hợp đồng</i>	1.778.487.656	1.187.727.965
<i>Trạm bê tông Sông Đà</i>	-	185.270.818
<i>Tập đoàn Sông Đà</i>	-	174.918.414
<i>Lãi vay cá nhân phải trả</i>	1.644.945.698	-
<i>Công ty Cổ phần TĐ Dầu khí Anpha</i>	-	1.650.000.000
<i>Công ty TNHH SICO Đồng Bằng</i>	-	349.000.000
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà</i>	5.261.195.810	598.019.444
<i>Đồng Nai - Lãi vay</i>	2.279.709.625	787.216.191
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	115.110.394	62.132.888
Bảo hiểm thất nghiệp	115.110.394	62.132.888
Tổng	48.878.383.989	15.847.670.620

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.14 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay dài hạn	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Thanh Xuân	16.201.770.159	31.447.712.173
Tổng	16.201.770.159	31.447.712.173

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của cổ đông khác	209.500.000.000	209.500.000.000
Tổng	209.500.000.000	209.500.000.000

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	209.500.000.000	51.750.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	157.750.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	209.500.000.000	209.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	8.280.000.000

c. Cổ phiếu

	Tại 31/12/2011 Cổ phiếu	Tại 01/01/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.950.000	20.950.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.950.000	20.950.000
Cổ phiếu phổ thông	20.950.000	20.950.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	410.500	445.000
Cổ phiếu phổ thông	410.500	445.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.539.500	20.505.000
Cổ phiếu phổ thông	20.539.500	20.505.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2010	51.750.000.000	12.157.753.767		3.492.441.177	1.070.087.999	17.089.429.081	85.559.712.024
Tăng trong năm	157.750.000.000	-	(10.351.583.945)	4.896.154.683	1.708.942.908	35.975.541.653	189.979.055.299
Góp vốn	157.750.000.000	-	-	-	-	-	157.750.000.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	4.896.154.683	1.708.942.908	-	6.605.097.591
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(10.351.583.945)	-	-	-	(10.351.583.945)
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	35.975.541.653	35.975.541.653
Giảm trong năm	-	200.000.000	-	-	-	17.089.429.081	17.289.429.081
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	-	8.280.000.000	8.280.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	8.655.829.081	8.655.829.081
Thù lao HĐQT và BĐH	-	-	-	-	-	153.600.000	153.600.000
Giảm khác	-	200.000.000	-	-	-	-	200.000.000
Số dư tại 31/12/2010	209.500.000.000	11.957.753.767	(10.351.583.945)	8.388.595.860	2.779.030.907	35.975.541.653	258.249.338.242
Số dư tại 01/01/2011	209.500.000.000	11.957.753.767	(10.351.583.945)	8.388.595.860	2.779.030.907	35.975.541.653	258.249.338.242
Tăng trong năm	-	-	(15.925.733.885)	2.878.043.332	1.798.777.083	925.940.868	(10.322.972.602)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.878.043.332	1.798.777.083	-	4.676.820.415
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	925.940.868	925.940.868
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(15.925.733.885)	-	-	-	(15.925.733.885)
Giảm trong năm	-	11.307.251.897	(18.751.442.432)	-	-	35.975.541.653	28.531.351.118
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	-	26.656.500.000	26.656.500.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	8.929.041.653	8.929.041.653
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	390.000.000	390.000.000
Bán cổ phiếu quỹ	-	11.307.251.897	(18.751.442.432)	-	-	-	(7.444.190.535)
Số dư tại 31/12/2011	209.500.000.000	650.501.870	(7.525.875.398)	11.266.639.192	4.577.807.990	925.940.868	219.395.014.522

5.16 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	82.694.984.222	123.606.837.744
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	22.380.161.770	30.198.637.429
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.345.935.320	4.206.585.303
Tổng	122.421.081.312	158.012.060.476

5.17 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giảm giá hàng bán	119.883.035	1.190.162.699
Tổng	119.883.035	1.190.162.699

5.18 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	82.575.101.187	122.416.675.045
Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	22.380.161.770	30.198.637.429
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	17.345.935.320	4.206.585.303
Tổng	122.301.198.277	156.821.897.777

5.19 Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	57.696.107.986	87.535.074.291
Giá vốn hàng hóa thành phẩm	21.406.960.270	24.160.788.836
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	8.613.235.774	3.585.112.981
Tổng	87.716.304.030	115.280.976.108

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.011.574.873	3.604.780.288
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	29.728.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	905.610.000	1.100.340.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	20
Tổng	3.917.184.873	34.433.120.308

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09- DN

5.21 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	930.253.476	46.299.351.137
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế (chi phí không phù hợp cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp)	-	171.000.000
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế (cổ tức được nhận)	905.610.000	1.100.340.000
Lợi nhuận tính thuế	24.643.476	45.370.011.137
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập hiện hành	6.160.869	11.342.502.784
Thuế thu nhập hiện hành được miễn giảm	1.848.261	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC</i>	<i>1.848.261</i>	<i>-</i>
Chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành	4.312.608	11.342.502.784
Chi phí thuế TNDN của các kỳ trước	-	(1.018.693.300)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.312.608	10.323.809.484

5.22 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.682.525.479	87.348.733.679
Chi phí nhân công	35.410.500.203	37.766.783.426
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.361.583.039	4.658.152.008
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.945.335.676	30.518.738.629
Chi phí khác bằng tiền	8.187.456.779	12.007.335.971
Tổng	134.587.401.176	172.299.743.713

6. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các yếu tố rủi ro tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau từ việc sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Điều hành thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro.

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

(i) Rủi ro tiền tệ

Nhóm công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD"). Nhóm công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Tuy nhiên việc phát sinh các giao dịch bằng đồng USD của công ty là không lớn do đó rủi ro tiền tệ không ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động của công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Toàn bộ các khoản vay của công ty có lãi suất cố định nên không có rủi ro lãi suất.

(iii) Rủi ro về giá

Nhóm có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn tới tổn thất tài chính cho Công ty. Nhóm công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Nhóm công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, công ty không có rủi ro trọng yếu đối với khách hàng hoặc đối tác vì các khoản phải thu đến từ số lượng lớn khách hàng khác nhau và phân bổ khu vực địa lý khác nhau.

25
TY
N
A
M
HÀ

6. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của công ty.

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Số dư các bên liên quan

<u>Các khoản phải trả</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>31/12/2011</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2011</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư SICO	Tiền hàng	-	2.951.911.540
	Tiền vay	13.900.000.000	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Đồng Nai	Tiền vay	19.550.000.000	15.800.000.000
	Lãi vay	5.261.195.810	598.019.444
Công ty TNHH SICO Đồng Bằng	Tiền hàng	5.371.695.999	349.000.000
Công ty CP SICO Yên Hòa	Tiền vay	5.400.000.000	5.400.000.000
<u>Các khoản phải thu</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>31/12/2011</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2011</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư SICO	Tiền hàng	749.465.380	3.871.145.322

b. Giao dịch với các bên liên quan

<u>Mua hàng</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2011 (VND)</u>	<u>Năm 2010 (VND)</u>
HĐQT và BKS	Thù lao	390.000.000	153.600.000
Công ty Cổ phần đầu tư SICO	Tiền hàng	1.483.333.750	29.000.027.205
	Lãi vay	2.952.605.555	787.375.000
Công ty Cổ phần Sông Đà - Đồng Nai	Lãi vay	4.663.176.366	598.019.444
Công ty TNHH SICO Đồng Bằng	Tiền hàng	30.337.811.227	-
<u>Bán hàng</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2011 (VND)</u>	<u>Năm 2010 (VND)</u>
Công ty Cổ phần đầu tư SICO	Tiền hàng	9.205.551.843	8.524.942.444



7.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán.

Kế toán trưởng



Chu Thị Ánh

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2012

Tổng Giám đốc



Vũ Văn Bảy

